TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **374**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Trực

2. Ông Ngô Minh Ngọc

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện G, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* Anh H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ô1, khu 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh G

Chị T có mặt, anh H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H sống chung với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H cờ bạc nên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Chị và anh H đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh H

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh H vẫn

không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị T khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là không hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H

2. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3584 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc